TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST. Ngày: 28/5/2025 V/v "*Ly hôn giữa ông K với bà A"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ấm - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: 190/XS, ấp S, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: **Bà Dương Thị Hoàng A**, sinh năm: 1998;

Địa chỉ: Số B, ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Ông K có Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bà Hoàng A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2024, Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 08/4/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông và bà Hoàng A kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/11/2016 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Từ năm 2024, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt không hàn gắn được. Ông và bà Hoàng A đã ly thân từ tháng 9/2024

đến nay. Nay tình cảm giữa ông và bà Hoàng A không còn nên ông xin ly hôn với bà Hoàng A.

Về con chung: ông và bà Hoàng A có 02 con chung tên Nguyễn Thị An A sinh ngày 02/3/2015 và Nguyễn Phước T sinh ngày 19/3/2016. Con chung hiện đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn, ông K yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà Hoàng A cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà Hoàng A nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập bà Dương Thị Hoàng A tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Dương Thị Hoàng A không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà Hoàng A cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông K được ly hôn với bà Hoàng A

- Về con chung: ông K trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị An An sinh ngày 02/3/2015 và Nguyễn Phước T sinh ngày 19/3/2016. Ghi nhận việc ông K không yêu cầu bà Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

- Tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K khởi kiện xin ly hôn với bị đơn bà Dương Thị Hoàng A; quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn K và bà Dương Thị Hoàng A là tranh chấp về ly hôn; bà Hoàng A có địa chỉ cư trú tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Dương Thị Hoàng A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều

lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bị đơn bà Dương Thị Hoàng A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông K và bà Hoàng A tự nguyện kết hôn vào năm 2015 có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2016 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông K, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Từ năm 2024, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm rạn nứt không hàn gắn được. Ông và bà Hoàng A đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Nay tình cảm giữa ông và bà Hoàng A không còn nên ông xin ly hôn với bà Hoàng A. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông K và bà Hoàng A nhưng bà Hoàng A vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với ông K. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K.

[2.2] Về con chung: ông K và bà Hoàng A có 02 con chung tên sinh ngày 02/3/2015 và Nguyễn Phước T sinh ngày 19/3/2016. Ông K yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu A1 và cháu T hiện đang sống với ông K, có cuộc sống sinh hoạt ổn định, hai cháu cũng có nguyện vọng sống chung với ông K. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu A1 và cháu T cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận việc ông K không yêu cầu bà Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông K phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn K và Bà Dương Thị Hoàng A.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Thị An A sinh ngày 02/3/2015 và Nguyễn Phước T sinh ngày 19/3/2016 cho ông Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông K không yêu cầu bà Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0007862 ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã T, H. B, Tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương